

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG**

Bản án số: 08/2025/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nhi và bà Nguyễn Thị Xoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 11/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 19/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-KDTM ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C1 (V); địa chỉ trụ sở: Số A T, phường C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ L- Giám đốc chi nhánh H3; người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Xuân D- Phó giám đốc chi nhánh H3 và bà Vũ Thị H- Phó phòng KHDN chi nhánh H3 (Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2025) – Bà H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty TNHH S1; địa chỉ: Cụm C, phường K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tuấn A, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Tổ I, xã Đ, tỉnh Hưng Yên- Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị Kim S, sinh năm 1940; nơi ĐKKHKT: KDC N, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà A, ngõ B, khu P, phường N, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường K, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Nguyễn Công C, sinh năm 2002 và anh Nguyễn H1, sinh năm 2006. Cùng trú tại tổ dân phố P, phường K, TP ..

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978 và ông Đỗ Văn T. Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố P, phường K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Số nhà A, ngõ B, khu P, phường N, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường D, khu phố Đ, phường D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C, anh H1: Bà Nguyễn Thị P (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2025) - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Bà S, ông Q, ông T: Bà Nguyễn Thị H2 (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2025, 08/4/2025) - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C1 (V) trình bày như sau:

* Ngày 29/11/2017, Ngân hàng TMCP C1 (Sau đây viết tắt là Ngân hàng C1) ký Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số số 28.11/CNHD9/2017/HĐCVTL/CONGTHANH với Công ty TNHH S1 (Sau đây viết tắt là Công ty S1), cụ thể: Số tiền cho vay: 720.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán chi phí mua hệ thống máy móc thiết bị sản xuất của cuốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của cuốn của Công ty S1; thời hạn cho vay là 36 tháng (từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 01/12/2020). Phương thức trả nợ gốc, lãi: Gốc trả 03 tháng/kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 15. Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ. Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc. Lãi suất chậm trả lãi: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng C1 từng thời kỳ (thực tế không áp dụng tính lãi suất chậm trả lãi).

Thực hiện Hợp đồng cho vay dự án đầu tư đã ký kết, Ngân hàng C1 đã giải ngân cho vay và Công ty S1 đã nhận đủ tổng số tiền là: 720.000.000 đồng, theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/12/2017: Số tiền vay: 720.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy của cuốn tấm liền. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm. Lịch trả nợ gốc: trả 03 tháng/kỳ. Lịch trả nợ lãi: vào ngày 15 hàng tháng. Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 15/05/2018 lãi suất trong hạn là: 9%/năm, lãi phạt chậm trả là: 4,5%/năm. Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 13/10/2022 lãi suất trong hạn là: 10%/năm, lãi phạt chậm trả là: 5%/năm. Từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/11/2022 lãi suất trong hạn là: 11%/năm, lãi phạt chậm trả là: 5,5%/năm. Từ ngày 15/11/2022 đến ngày 04/09/2025 lãi suất trong hạn là: 12%/năm, lãi phạt chậm trả là: 6%/năm

* Ngày 22/12/2017, Ngân hàng C1 ký Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 30.11/CNHD9/2017/HĐCVHM/CONGTHANH với Công ty S1, cụ thể: Giá trị Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại theo Đăng ký kinh doanh của Công ty S1; thời hạn cho vay của các khoản vay theo từng Giấy nhận nợ; phương thức trả nợ gốc, lãi: Theo thỏa thuận tại từng Giấy nhận nợ; lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: Quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Thực hiện hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết nêu trên, Ngân hàng C1 đã giải ngân cho vay và Công ty S1 đã nhận đủ tổng số tiền là: 1.980.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 02 ngày 03/07/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền mua tôn màu; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 03/07/2018 đến ngày 03/01/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 7,2%/năm; Lịch trả nợ gốc: 01 lần vào cuối kỳ hoặc khi dòng tiền từ phương án về tài khoản của Bên vay tại Ngân hàng C1 (tùy điều kiện nào đến trước); Lịch trả nợ lãi: vào ngày 15 hàng tháng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ngày 29/11/2017 Ngân hàng C1 và Công ty S1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 28.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/MMTB, tài sản thế chấp gồm: Máy cán của cuộn tấm liên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của cuộn của Công ty S1 theo. Ngân hàng C1 đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ - Bộ Tư Pháp Đ theo đúng quy định của pháp luật. Nghĩa vụ được bảo đảm phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà Công ty S1 ký với Ngân hàng C1 trước, cùng và (hoặc) sau thời điểm ký kết hợp đồng này.

Ngày 22/12/2017, Ngân hàng C1 và ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị P đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 30.11/CNHD9/2017/ HĐTC/CONGTHANH/THUYPHUONG, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 240 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, cấp 03, diện tích xây dựng là 74 m², diện tích sàn là 148 m² tại thửa đất số 738 (Ô 04 – Lô BT 02), tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã H, huyện K tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 276285 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01068 do UBND huyện K cấp ngày 15/12/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị P. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Nghĩa vụ được bảo đảm phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà Công ty S1 ký với Ngân hàng C1 trước, cùng và (hoặc) sau thời điểm ký kết hợp đồng này.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 để phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng C1 từ ngày 03/01/2019.

Ngân hàng C1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thực hiện thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Thông báo xử lý tài sản bảo đảm, tạo điều kiện để Công ty S1 thu xếp mọi nguồn thu để trả nợ Ngân hàng C1 theo các biên bản làm việc đã ký. Tuy nhiên, Công ty S1 không thực hiện đúng cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng và các biên bản làm việc, thông báo, cũng không bàn giao tài sản cho Ngân hàng C1 để xử lý theo quy định của các Hợp đồng thế chấp.

Tổng dư nợ của hai hợp đồng tín dụng trên của Công ty S1 tại Ngân hàng C1 đến hết ngày 23/09/2025 là 4.769.501.118 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi: 2.309.501.118 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 1.558.479.864 đồng, lãi quá hạn: 751.021.254 đồng. Tổng gốc và lãi là 4.769.501.118 đồng.

*** Bị đơn Công ty TNHH S1**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho Công ty S1 theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng và địa chỉ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn Công ty S1 có trụ sở đặt tại khu đô thị P, thị trấn K, huyện K sau đó thay địa chỉ trụ sở của Công ty là Cụm C thuộc xã L, thị xã K (nay là phường K, thành phố Hải Phòng). Tuy nhiên hiện không xác định được trụ sở của Công ty ở đâu. Tại thời điểm Công ty S1 vay vốn của Ngân hàng C1, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn K -Giám đốc. Sau đó có việc thay đổi người đại diện Công ty. Theo tài liệu cung cấp của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh H thì hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty S1 là ông Đặng Tuấn A. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Tuấn A không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST-KDTM ngày 09/5/2025 mà Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng đang giải quyết, ông Đặng Tuấn A đã có lời khai trình bày: Cuối năm 2017, ông Nguyễn Xuân T1 mượn ông số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích để đảo sổ ngân hàng sau đó sẽ trả lại cho ông. Ông đã cho vay và chuyển tiền cho ông T1. Sau đó ông đã yêu cầu ông T1 trả tiền cho ông nhưng ông T1 nói chưa có tiền để trả nếu cần thì sau này công ty sẽ trả tiền cho ông, do là bạn bè nên ông không hỏi nữa. Ông hoàn toàn không biết việc ông T1 sử dụng số tiền vay của ông để lấy tên ông góp vốn vào Công ty S1. Ông khẳng định ông không làm bất cứ thủ tục nào để làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty S1 sang tên ông. Ông đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H để giám định chữ ký, chữ viết về việc hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty S1 từ ông T1 sang tên ông. Ông xác định ông T1 vay của ông số tiền 03 tỷ đồng, là tiền riêng của ông bằng hình thức chuyển khoản, ông không đề nghị gì về số tiền này trong vụ án. Việc ông có tên và là thành viên góp vốn 1.050.000.000 đồng với tỷ lệ % góp vốn là 35.000 của Công ty S1 ông xác định số tiền này không liên quan đến ông, ông không có quyền lợi gì vì số tiền này do ông T1 tự đưa vào Công ty S1 mục đích là gì thì ông không biết, số tiền này không phải của ông. Ông xác định không liên quan và không phải là thành viên góp vốn

của Công ty S1. Tòa án đã giải thích cho ông Tuấn A về việc nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết nhưng ông A chưa yêu cầu và chưa nộp tiền chi phí giám định, ông sẽ có văn bản gửi Tòa án sau.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1974 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Ông bà có được tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Bà và ông T1 có 02 con chung là: Nguyễn Công C, sinh năm 2002 và Nguyễn H1, sinh năm 2006. Ông T1 chết ngày 03/9/2019. Khi chết, ông T1 không để lại di chúc. Ông T1 không có con nuôi, con riêng. Ông T1 có bố đẻ là ông Nguyễn B1, sinh năm 1930 (mất năm 2022), mẹ đẻ là bà Ngô Thị Kim S. Ông B1 và bà S có 03 người con gồm: Ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị H2, và ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1985; địa chỉ: thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi còn sống, ông T1 làm việc tại Công ty S1, còn làm chức vụ là gì thì bà không biết.

Khoảng năm 2017, ông T1 có trao đổi với bà về việc cần vốn để làm ăn, nên bà và anh T1 đứng ra thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 738 (ô 04 – Lô BT02), tờ bản đồ số 28; địa chỉ: Khu đô thị T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương cho Ngân hàng C1 để ông T1 vay vốn. Bà có ký các hợp đồng để hoàn tất thủ tục vay tiền, còn cụ thể các loại giấy tờ gì thì bà không nhớ.

Đến khoảng giữa năm 2019, sau khi được Ngân hàng thông báo, bà được biết khoản vay trên đã bị quá hạn. Sau đó, nhiều lần Ngân hàng cũng đến gia đình bà để nhắc nhở việc trả nợ.

Về nguồn gốc thửa đất trên, vào khoảng năm 2011 - 2012 ông T1 mua đất của chủ đầu tư tại Khu đô thị T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Thời điểm đó, ông T1 mua 02 thửa đất liền kề, thông với nhau. Số tiền ông T1 mua đất của chủ đầu tư cụ thể là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, chỉ nhớ rằng ông T1 nói rằng mua giá ưu đãi khoảng 4.000.000 đồng/m².

Sau khi mua đất, cuối năm 2013 bà và ông T1 làm nhà. Trước khi làm nhà bà và ông T1 thỏa thuận xây dựng đơn giản thôi nhưng sau một thời gian bà lại thấy có 02 móng trên 02 thửa đất, bà có thắc mắc với ông T1 rằng “sao nhà mình xây nhà mà trên đất lại có 02 cái móng”, ông T1 trả lời muốn xây thêm để đón bố mẹ ra ở cùng. Sau đó cả 02 căn nhà được xây dựng cùng thời điểm và cùng một đội thợ.

Sau khi hoàn thiện xong thì căn nhà trên thửa đất này, gia đình bà ra ở trước còn căn nhà còn lại thì vợ chồng bà H2 và ông T cùng bố mẹ ông T1 đến để ở. Một thời gian sau, bà có thấy có người đến đòi tiền vật liệu xây dựng thì bà có thấy bà H2 có trình bày là bà H2 đã trả phần tiền vật liệu xây dựng trên.

Sau khi ông T1 mất, gia đình có tiến hành họp thì bà mới biết là căn nhà trên thửa đất số 738 (ô 04 - Lô BT02), tờ bản đồ số 28; địa chỉ: Khu đô thị T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương là của vợ chồng bà H2 và ông T.

Nay Ngân hàng C1 khởi kiện vụ án, do đây là tài sản thế chấp của của bà và ông T1 nên bà có nguyện vọng được thanh toán một phần khoản nợ gốc của Ngân hàng tương ứng với giá trị tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 738 (ô 04 - Lô BT02), tờ bản đồ số 28 để giải chấp đối với tài sản thế chấp này. Đối với tài sản trên thửa đất của bà H2 và ông T, bà sẽ thỏa thuận với ông T, bà H2.

- Nguyễn Thị H2 trình bày như sau:

Bà là em gái của ông Nguyễn Xuân T1. Ông Thủy sinh năm 1974, chết ngày 03/9/2019. Ông T1 có bố đẻ là ông Nguyễn B1, sinh năm 1930 (mất ngày 16/12/2022), mẹ đẻ là bà Ngô Thị Kim S, có vợ là Nguyễn Thị P, có 02 con là: Nguyễn Công C, sinh năm 2002 và Nguyễn H1, sinh năm 2006. Ông T1 không có con nuôi, con riêng. Ông Nguyễn B1 có bố mẹ đã chết từ lâu, chết trước ông B1. Ông B1 và bà S có 03 người con là: Ông Nguyễn Xuân T1, bà (Nguyễn Thị H2) và ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Khi còn sống, ông T1 làm ở công ty S1, làm chức vụ gì bà không biết. Bà hoàn toàn không biết gì về việc ông T1 và bà P thế chấp tài sản cho Công ty S1 vay tiền. Khoảng năm 2017, Ngân hàng có về thửa đất số 738 (ô 04 - Lô BT02), tờ bản đồ số 28; địa chỉ: Khu đô thị T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương để đo đạc, nhưng bà không biết đo để làm gì.

Nhà, đất mà ông T1 và bà P dùng thế chấp cho Công ty S1 vay tiền của Ngân hàng C1 là tài sản của bà và ông Nguyễn Văn T2 (chồng bà). Khoảng năm 2010, bà và ông T1 cùng mua đất của ông L1 mỗi người một thửa đất giáp nhau (ông T1 mua hộ bà). Sau khi mua đất, cuối năm 2010, vợ chồng bà và ông T1 cùng làm nhà, cùng thuê chung một đội thợ xây, thời gian xây dựng khoảng hơn 1 năm thì hoàn thành. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, gia đình bà và gia đình ông T1 cùng nhau chuyển đến ở tại hai căn nhà trên. Đến năm 2022, sau thời gian ông T1 chết được hơn 2 năm thì bà trở về phường P để sinh sống vì phía bên đại diện Ngân hàng nói căn nhà mà gia đình bà sinh sống là tài sản thế chấp nên đang xảy ra tranh chấp giữa Công ty của ông T1 và Ngân hàng nên gia đình bà quyết định chuyển đi. Hiện nay thửa đất của vợ chồng bà vẫn mang tên của ông T1, bà P. Thực tế bà đã chuyển tiền cho ông T1 với tổng số tiền là 800.000.000 đồng để thanh toán tiền mua đất cho ông L1. Sở dĩ, bà và ông T1 cùng mua đất vào năm 2011 nhưng đến năm 2017 hoặc năm 2018 bà mới trả tiền vì ông L1 bán đất nhưng cho trả dần mà không yêu cầu bà và ông T1 phải trả ngay. Sau khi ông T1 chết thì Ngân hàng đến cho biết việc xử lý tài sản nên bà mới biết thửa đất của gia đình ông T1 đã được thế chấp tại Ngân hàng H4 còn thửa đất của vợ chồng bà được thế chấp tại Ngân hàng C1. Nay vì tình cảm gia đình, vợ chồng bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 738 (ô 04 - Lô BT02), tờ bản đồ số 28 cùng các tài sản trên thửa đất này trong trường hợp Công ty S1 không trả được nợ cho Ngân hàng C1.

- Bà Ngô Thị Kim S trình bày:

Bà là mẹ đẻ của ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1974 (chết ngày

03/9/2019). Ông T1 có bố đẻ là ông Nguyễn B1, sinh năm 1930 (mất ngày 16/12/2022), mẹ đẻ là bà (Ngô Thị Kim S). Ông T1 có vợ là Nguyễn Thị P, có 02 con là: Nguyễn Công C, sinh năm 2002 và Nguyễn H1, sinh năm 2006. Cùng trú tại: Khu dân cư P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ông T1 không có con nuôi, con riêng. Ông Nguyễn B1 (Chồng bà) có bố mẹ đã chết từ lâu (bố chết năm 1945, mẹ chết năm 1949). Bà và ông B1 có 03 người con là: Ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Hồng Q.

Khi còn sống, ông T1 có làm ở công ty, còn làm chức vụ gì, cho công ty nào bà không biết.

Bà hoàn toàn không biết gì về việc ông T1 và bà P thế chấp tài sản cho Công ty S1 vay tiền. Chỉ đến khi sau ông T1 chết thì Ngân hàng đến gia đình nói về việc xử lý tài sản nên bà mới biết.

Nhà, đất mà ông T1 và bà P dùng thế chấp cho Công ty S1 vay tiền của Ngân hàng C1 thực chất là tài sản của chị Nguyễn Thị H2 (con gái bà). Chị H2 và anh T1 cùng mua đất của ông L1 ở M, mỗi người một thửa giáp nhau. Sau khi mua đất, ông T1 và bà H2 làm nhà cùng ngày, bà có cúng tạ đất xin phép động thổ cho gia đình bà H2 và gia đình ông T1.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện như đã trình bày nêu trên.

- Bà Nguyễn Thị H2 xác định nay vì tình cảm gia đình, vợ chồng bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 738 (ô 04 - Lô BT02), tờ bản đồ số 28 cùng các tài sản trên thửa đất này trong trường hợp Công ty S1 không trả được nợ cho Ngân hàng C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị về chi phí tố tụng và án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng C1 khởi kiện Công ty S1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hai bên đều có đăng ký kinh doanh, đều vì mục đích lợi nhuận, có đủ tư cách pháp nhân trong việc ký hợp đồng nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty S1 có đăng ký trụ sở tại phường K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải phòng theo điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà S, ông T2 và ông Q nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; vắng mặt bà P, anh C và anh H1 nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1 về việc yêu cầu Công ty S1 trả nợ, thấy rằng:

Ngày 29/11/2017, Ngân hàng C1 ký Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số số 28.11/CNHD9/2017/HĐCVTL/CONGTHANH với Công ty S1, cụ thể: Giá trị Hạn mức tín dụng: 720.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán chi phí mua hệ thống máy móc thiết bị sản xuất cửa cuốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của cuốn của Công ty S1; thời hạn cho vay là 36 tháng (từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 01/12/2020). Phương thức trả nợ gốc, lãi: Gốc trả 03 tháng/kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 15. Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ. Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc. Lãi suất chậm trả lãi: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng C1 từng thời kỳ (thực tế không áp dụng tính lãi suất chậm trả lãi).

Thực hiện Hợp đồng cho vay dự án đầu tư đã ký kết nêu trên, Ngân hàng C1 đã giải ngân cho vay và Công ty S1 đã nhận đủ tổng số tiền là: 720.000.000 đồng, theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/12/2017: Số tiền vay: 720.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy cửa cuốn tấm liền. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm. Lịch trả nợ gốc: trả 03 tháng/kỳ. Lịch trả nợ lãi: vào ngày 15 hàng tháng. Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 15/05/2018 lãi suất trong hạn là: 9%/năm, lãi phạt chậm trả là: 4,5%/năm. Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 13/10/2022 lãi suất trong hạn là: 10%/năm, lãi phạt chậm trả là: 5%/năm. Từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/11/2022 lãi suất trong hạn là: 11%/năm, lãi phạt chậm trả là: 5,5%/năm. Từ ngày 15/11/2022 đến ngày 04/09/2025 lãi suất trong hạn là: 12%/năm, lãi phạt chậm trả là: 6%/năm

Ngày 22/12/2017, Ngân hàng C1 ký Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 30.11/CNHD9/2017/HĐCVHM/CONGTHANH với Công ty S1, cụ thể: Giá trị Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại theo Đăng ký kinh doanh của Công ty S1; thời hạn cho vay của các khoản vay theo từng Giấy nhận nợ; phương thức trả nợ gốc, lãi: Theo thỏa thuận tại từng Giấy nhận nợ; lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: Quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ; lãi suất

vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Thực hiện hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết, Ngân hàng C1 đã giải ngân cho vay và Công ty S1 đã nhận đủ tổng số tiền là: 1.980.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 02 ngày 03/07/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền mua tôn màu; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 03/07/2018 đến ngày 03/01/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 7,2%/năm; Lịch trả nợ gốc: 01 lần vào cuối kỳ hoặc khi dòng tiền từ phương án về tài khoản của Bên vay tại Ngân hàng C1 (tùy điều kiện nào đến trước); Lịch trả nợ lãi: vào ngày 15 hàng tháng.

[2.2] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay trên, Ngân hàng đã nhận thế chấp các tài sản gồm:

Tài sản thứ nhất: Máy cán cửa cuốn tấm liền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cửa cuốn của Công ty S1 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 28.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/MMTB ký ngày 29/11/2017 giữa Ngân hàng C1 và Công ty S1 và được Ngân hàng C1 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ - Bộ Tư PhápĐ ngày 29/11/2017.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất có diện tích 240 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, cấp 03, diện tích xây dựng là 74 m², diện tích sàn là 148 m² tại thửa đất số 738 (Ô 04 - Lô BT 02), tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thành phố Hải Phòng), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 276285, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01068 do UBND huyện K cấp ngày 15/12/2016 mang tên ông T1 và bà P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 30.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/THUYPHUONG ngày 22/12/2017 được ký giữa Ngân hàng C1 và ông T1 và bà P.

[2.3] Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C1 với Công ty S1 và các Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Ngân hàng C1 với bị đơn và bên thứ 3 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó xác định đây là các hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 để phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng C1 từ ngày 03/01/2019.

Ngân hàng C1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thực hiện thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Thông báo xử lý tài sản bảo đảm, tạo điều kiện để Công ty S1 thu xếp mọi nguồn thu để trả nợ Ngân hàng C1 theo các biên bản làm việc đã ký. Tuy nhiên, Công ty S1 không thực hiện đúng cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng và các biên bản làm việc, thông báo, cũng không bàn giao tài sản cho Ngân hàng C1 để xử lý theo quy định của các Hợp đồng thế chấp.

[2.5] Tính đến ngày 23/9/2025, Công ty S1 nợ số tiền là: Nợ gốc: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi: 2.309.501.122 đồng, trong đó: Lãi trong hạn:

1.558.479.864 đồng, L2 quá hạn: 751.021.258 đồng. Tổng gốc và lãi là 4.769.501.122 đồng.

[2.6] Nay, Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu Công ty S1 phải thanh toán toàn bộ số nợ trên. Buộc công ty S1 phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng của các khoản vay đã ký kết cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp công ty S1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ trên thì Ngân hàng C1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm Ngân hàng đã nhận thế chấp của Công ty S1 và của bên có tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C1. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản không đủ để trả nợ gốc, lãi khoản vay thì Ngân hàng C1 có quyền yêu cầu Công ty S1 tiếp tục trả nợ gốc, lãi khoản vay cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ với Ngân hàng C1.

[2.7] Bị đơn Công ty TNHH S1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tổng số tiền gốc là 2.460.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày 23/9/2025 là 2.309.501.122 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi công ty S1 phải trả là: 4.769.501.122 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 24/9/2025), công ty S1 còn phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

[2.8] Bà Nguyễn Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày, thửa đất số 738 (Ô 04 - Lô BT 02), tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thành phố Hải Phòng) do bà và ông T1 nhận chuyển nhượng từ ông L1. Ông T1 đứng ra nhận chuyển nhượng sau này vợ chồng bà đã trả tiền cho ông T1. Vợ chồng bà đã xây 01 nhà ở trên đất. Việc ông T1, bà P thế chấp thửa đất số 738 (Ô 04 - Lô BT 02) cùng tài sản trên đất cho Ngân hàng C1 sau này bà mới biết. Tuy nhiên, do bà là em gái ông T1 nên nay bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện nếu trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất số 738 (Ô 04 - Lô BT 02), tờ bản đồ số 28 và tài sản trên đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không ai có yêu cầu gì khác. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích là 240 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, cấp 03, diện tích xây dựng là 74 m², diện tích sàn là 148 m² tại thửa đất số 738 (Ô 04 – Lô BT 02), tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã H, huyện K tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thành phố Hải Phòng), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 276285 do UBND huyện K cấp ngày 15/12/2016 mang tên ông T1 và bà P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 30.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/THUYPHUONG ngày 22/12/2017.

Ngoài ra đối với tài sản của Công ty S1 gồm: Máy cán cửa cuốn tấm liền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cửa cuốn cũng được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 28.11/CNHD9/2017/HĐTC/ CONGTHANH/MMTB ký ngày 29/11/2017 và được Ngân hàng C1 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư PhápĐ ngày 29/11/2017 theo đúng quy định của pháp luật. Các tài sản trên đã được xem xét, thẩm định tại chỗ xác định còn nguyên vẹn, đúng với mô tả trong hợp đồng thế chấp. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng C1 tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323, 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1.

Buộc Công ty TNHH S1 phải trả cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2025 là 4.769.501.122 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi: 2.309.501.122 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 1.558.479.864 đồng, L2 quá hạn: 751.021.258 đồng.

Công ty TNHH S1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C1 các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực thi hành, nếu Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C1. Tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản thứ nhất: Máy cán cửa cuốn tấm liền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cửa cuốn của Công ty S1 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 28.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/MMTB ký ngày 29/11/2017 và được Ngân hàng C1 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục Đ – Bộ Tư PhápĐ ngày 29/11/2017.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất có diện tích 240 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, cấp 03, diện tích xây dựng là 74 m², diện tích sàn là 148 m² tại thửa đất số 738 (Ô 04 - Lô BT 02), tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã H, huyện K tỉnh Hải Dương (Nay là phường P, thành phố Hải Phòng), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 276285 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01068 do UBND huyện K cấp ngày 15/12/2016 mang tên ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 30.11/CNHD9/2017/HĐTC/CONGTHANH/THUYPHUONG ngày 22/12/2017.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 thì Công ty TNHH S1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm thừa thì Ngân hàng TMCP C1 phải trả lại cho Công ty TNHH S1 và bên thứ 3 đứng ra bảo đảm khoản vay của Công ty TNHH S1.

Về án phí:

Trả lại Ngân hàng TMCP C1 số tiền 56.300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007052 ngày 10/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Công ty TNHH S1 phải nộp 112.769.500 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết